

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 20-02-2024

V/v tranh chấp: “Ly hôn và chia tài sản chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong.

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Phan Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 2 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2024/TLPT-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2024 về việc tranh chấp “Ly hôn và chia tài sản chung”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 538/2023/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 94/2024/QĐ-PT ngày 01 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1990 (có mặt);

Địa chỉ: ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Anh N, sinh năm 1987 (có mặt);

Địa chỉ: ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị Mỹ H, sinh năm 1978 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện C, Tiền Giang.

2. Anh Nguyễn Minh T, sinh ngày 02/11/2006 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện C, Tiền Giang.

- Người kháng cáo: Bị đơn anh Nguyễn Anh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc L trình bày:

Chị L và anh N xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2015, có đăng ký kết hôn ngày 18/5/2015 tại Ủy ban nhân xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh N có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác ở bên ngoài, anh N dẫn người phụ nữ đó về nhà anh N chung sống như vợ chồng, người phụ nữ mà anh N có quan hệ tình cảm còn xuống tới nhà chửi mắng chị. Sau khi chị nộp đơn ly hôn tại Tòa án thì anh N dùng những lời lẽ xúc phạm danh dự nhân phẩm chị trên mạng xã hội. Chị và anh N đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2022 cho đến nay. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh N.

Về con chung: chị và anh N có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Hoàng K, sinh ngày 15/12/2015 và Nguyễn Ngọc Cao K1, sinh ngày 22/12/2017 hiện đang sống với chị L. Trong quá trình vợ chồng chung sống, khi anh N đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh thì con do chị ở nhà trực tiếp chăm sóc. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con, yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng cho một cháu.

Về tài sản chung: vợ chồng có tài sản chung là diện tích đất 210,5m², thuộc thửa 3904, tờ bản đồ số 02, loại đất trồng cây lâu năm, địa chỉ thửa đất ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, trên đất có một căn nhà tường cấp 4, diện tích 40m², nhà đất do vợ chồng mua năm 2018. Nay chị thống nhất tài sản sẽ để lại cho 02 con, nếu Tòa án xét xử giao 02 con cho ai nuôi dưỡng thì người đó sẽ quản lý tài sản đến khi 02 con 18 tuổi sẽ giao lại. Trường hợp không thỏa thuận được việc giao con thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với phần đất 500m² tại xã B là có, nhưng đó là tài sản riêng của chị. Khi cha, mẹ chị ly hôn đã cho chị và em trai chị mỗi người 500m².

Về nợ chung: vào ngày 01/01/2018, vợ chồng chị có mượn của bà Lê Thị Mỹ H số tiền 50.000.000 đồng để mua đất, đến nay chưa trả. Nay ly hôn, chị yêu cầu chia đôi số nợ trên để trả.

Bị đơn anh Nguyễn Anh N trình bày:

Anh N thống nhất lời trình bày của chị L về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn. Vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn từ đầu năm 2020. Nguyên nhân là do trước đó chị L có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Trước khi kết hôn với anh, chị L đã có quen bạn trai và vẫn giữ mối quan hệ đó cho đến nay. Anh biết việc này nhưng anh không nói mà để cho chị L tự nhận thức được mình là người đã có chồng và tự cắt đứt quan hệ với người đàn ông đó mà toàn tâm toàn ý lo cho gia đình nhưng chị L không bỏ được. Đến đầu năm 2020, chị L có quan hệ tình cảm với đồng nghiệp trong cơ quan. Việc anh có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác là có, nhưng anh đã cắt đứt quan hệ với người phụ nữ đó. Anh và chị L đã ly thân từ tháng 01/2022 cho đến nay. Nay chị L yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: anh và chị L có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Hoàng K sinh ngày 15/12/2015 và Nguyễn Ngọc Cao K1 sinh ngày 22/12/2017, khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con, yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho một cháu. Lý do chị L và gia đình không đủ điều kiện về kinh tế, không đủ điều kiện để giáo dục con anh. Hiện nay anh làm nghề sĩ tự do, thu nhập trung bình 20.000.000 đồng/tháng. Hiện tại anh đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh, không có thời gian biểu cụ thể, khi anh đi làm thì 02 con anh sẽ giao cho mẹ ruột anh ở nhà chăm sóc. Mẹ anh có đất cho Bách Hóa X thuê mặt bằng, thu nhập 30.000.000 đồng/tháng sẽ hỗ trợ anh nuôi 02 con.

Về tài sản chung: anh và chị L có cùng đứng tên diện tích đất 500m² tại xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS01033 ngày 23/10/2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho chị Nguyễn Thị Ngọc L, nguồn gốc là do cha vợ cho, tuy nhiên khi đó do anh đi làm xa nên ở nhà chị L đã đi làm sổ đỏ và đứng tên một mình. Nguồn gốc nhà và đất diện tích đất 210,5m², thuộc thửa 3904, tờ bản đồ số 02, loại đất trồng cây lâu năm, địa chỉ thửa đất ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, trên đất có một căn nhà tường cấp 4, diện tích 40m², nhà đất do vợ chồng mua năm 2018 có sau khi anh và chị L kết hôn mới mua, nhà và đất mua giá 350.000.000 đồng, nguồn tiền dùng để mua nhà và đất là do anh vay ngân hàng 200.000.000 đồng, mượn của bà Lê Thị Mỹ H 100.000.000 đồng, mẹ ruột chị L cho 20.000.000 đồng, vợ chồng bán vàng cưới và tiền của cá nhân anh.

Nay anh yêu cầu toàn bộ nhà đất ở xã T và 500m² đất mà cha vợ cho ở xã B sẽ để lại cho hai con là Hoàng K và C. Hiện do hai con chưa đủ 18 tuổi, do đó khi Tòa án xét xử giao con cho ai thì người đó sẽ đại diện cho các con quản lý tài sản, đến khi hai con đủ 18 tuổi sẽ có nghĩa vụ giao lại cho hai con. Trường hợp chị L không đồng ý thì anh yêu cầu được nhận toàn bộ nhà đất ở xã T, vì đây là nhà đất do tiền của anh bỏ ra mua. Chị L sẽ quản lý phần đất mà cha ruột chị L cho ở xã B.

Về nợ chung: vợ chồng có mượn của dì ruột của chị L là bà Lê Thị Mỹ H 100.000.000 đồng để mua nhà, đã trả được 50.000.000 đồng. Trường hợp giao căn nhà và đất ở xã T cho anh thì anh sẽ một mình trả nợ 50.000.000 đồng cho bà H, nếu không thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Mỹ H trình bày:

Vào tháng 01 năm 2018, bà có cho vợ chồng chị L anh N mượn số tiền 100.000.000 đồng, chị L và anh N hẹn với bà sau 06 tháng sẽ trả. Tuy nhiên từ khi mượn đến nay, vợ chồng anh chị chỉ mới trả cho bà được 50.000.000 đồng, còn nợ lại 50.000.000 đồng. Nay chị L và anh N có nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nên bà làm đơn yêu cầu độc lập, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị L và anh N phải liên đới trả cho bà số tiền 50.000.000 đồng, thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Minh T trình bày:

Phần đất tại ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang diện tích 846m², thuộc thửa 1978, tờ bản đồ số 03 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS01033 ngày 23/10/2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho chị Nguyễn Thị Ngọc L, nguồn gốc là do cha mẹ cho anh và chị L, hiện tại anh và chị L đang sử dụng phần đất nêu trên, anh N cho rằng đây là tài sản chung của anh N và chị L, anh không đồng ý.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc L và bị đơn anh Nguyễn Anh N thuận tình ly hôn.

Về con chung: chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con, yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/cháu. Anh N yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con, yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/cháu; còn để chị L nuôi con anh N cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng/cháu.

Về tài sản chung: quyền sử dụng đất thuộc thửa 3904, tờ bản đồ số 02, diện tích đất 210,5m² tại ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, trên đất có một căn nhà tường cấp 4, diện tích 40m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS00531 ngày 15/5/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho anh Nguyễn Anh N và chị Nguyễn Thị Ngọc L, chị L đồng ý để lại cho hai con chung tên Nguyễn Ngọc Hoàng K sinh ngày 15/12/2015 và Nguyễn Ngọc Cao K1 sinh ngày 22/12/2017, do 02 con chung chưa đủ 18 tuổi, nếu ai được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung thì tạm thời quản lý tài sản đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi thì sang tên lại cho hai cháu.

Anh N trình bày quyền sử dụng đất thửa đất số 1978, tờ bản đồ số 03, diện tích đất 846m² (đo đạc thực tế là 906,5m²) tại xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS01033 ngày 23/10/2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho chị Nguyễn Thị Ngọc L là tài sản cá nhân của chị L, anh không tranh chấp.

Đối với quyền sử dụng đất thuộc thửa 3904, tờ bản đồ số 02, diện tích đất 210,5m² tại ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, trên đất có một căn nhà tường cấp 4, diện tích 40m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS00531 ngày 15/5/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho anh Nguyễn Anh N và chị Nguyễn Thị Ngọc L, anh N cho rằng đây là tài sản của cá nhân anh và anh cũng đồng ý để lại cho hai con chung tên Nguyễn Ngọc Hoàng K sinh ngày 15/12/2015 và Nguyễn Ngọc Cao K1 sinh ngày 22/12/2017, do 02 con chung chưa đủ 18 tuổi, nếu ai được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung thì tạm thời quản lý tài sản đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi thì sang tên lại cho hai cháu.

Về nợ chung: anh N đồng ý để chị L trả cho bà Lê Thị Mỹ H số tiền 50.000.000 đồng.

Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 538/2023/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ các điều 28, 35, 39, 146, 227, 228, 246, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân

sự; các điều 56, 59, 60, 62, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các điều 357, 468, 494 và Điều 495 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc L.

Chị Nguyễn Thị Ngọc L được ly hôn với anh Nguyễn Anh N.

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị Ngọc L được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai con chung tên Nguyễn Ngọc Hoàng K sinh ngày 15/12/2015 và Nguyễn Ngọc Cao K1 sinh ngày 22/12/2017, anh Nguyễn Anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho một con chung. Thực hiện cấp dưỡng từ tháng 10/2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Nguyễn Anh N thống nhất giao phần đất thuộc thửa 3904, tờ bản đồ số 02, diện tích đất 210,5m² (đo đạc thực tế là 247,7m²) và tài sản trên đất tại ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, trên đất có một căn nhà tường cấp 4, diện tích 40m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS00531 ngày 15/5/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho anh Nguyễn Anh N và chị Nguyễn Thị Ngọc L cho hai cháu Nguyễn Ngọc Hoàng K sinh ngày 15/12/2015 và Nguyễn Ngọc Cao K1 sinh ngày 22/12/2017 (người giám hộ là chị Nguyễn Thị Ngọc L, mẹ ruột của cháu K và cháu K1 làm đại diện). Phần đất có vị trí địa lý như sau:

- Đông giáp thửa đất 3903.

- Tây giáp thửa đất 998.

- Nam giáp thửa đất 997.

- Bắc giáp đường bê tông.

(Có sơ đồ kèm theo)

Các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Khi hai cháu Nguyễn Ngọc Hoàng K và Nguyễn Ngọc Cao K1 đủ 18 tuổi sẽ được cấp lại quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4. Về nợ chung: Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Lê Thị Mỹ H.

Chị Nguyễn Thị Ngọc L có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Mỹ H 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 29/9/2023, bị đơn anh Nguyễn Anh N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết:

- Xác định phần đất thuộc thửa 3904, tờ bản đồ số 02, diện tích đất 210,5m² tại ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, trên đất có một căn nhà tường cấp 4, diện tích 40m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS00531 ngày 15/5/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho anh Nguyễn Anh N và chị Nguyễn Thị Ngọc L là tài sản riêng của anh Nguyễn Anh N.

- Phân chia tài sản khi ly hôn: tài sản của ai thì người đó quản lý, anh không đồng ý giao lại phần đất thuộc thửa 3904 nêu trên và căn nhà trên đất cho hai con chung.

- Căn cứ điều kiện về vật chất, tinh thần và nhân cách đạo đức của cha mẹ để xem xét lại quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung kháng cáo: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Anh N, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đối với việc anh N yêu cầu xác định phần đất thuộc thửa 3904, tờ bản đồ số 02, diện tích đất 210,5m² tại ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, trên đất có một căn nhà tường cấp 4, diện tích 40m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS00531 ngày 15/5/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho anh Nguyễn Anh N và chị Nguyễn Thị Ngọc L là tài sản riêng của anh Nguyễn Anh N là vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu; anh N có thể khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Nguyễn Anh N nộp đơn kháng cáo và thực hiện thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Anh N:

[2.1] Sau khi án sơ thẩm xét xử, các đương sự không kháng cáo về quan hệ hôn nhân là ly hôn, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.2] Đối với kháng cáo của anh N về việc xem xét lại việc giao con cho người xứng đáng trực tiếp nuôi dưỡng, Hội đồng xét xử nhận thấy về điều kiện nuôi dưỡng hiện nay cả hai đều có thu nhập ổn định, tuy nhiên cháu Nguyễn Ngọc Hoàng K sinh năm 2015 có nguyện vọng được sống với mẹ, cháu Nguyễn Ngọc Cao K1 sinh năm 2017 hiện cũng đang sống với chị L, do đó để đảm bảo quyền lợi của con chung, án sơ thẩm giao hai con chung cho chị L nuôi dưỡng là có căn cứ. Việc anh N cho rằng chị L có tư cách đạo đức không tốt là ý chí chủ quan của cá nhân; bản thân chị L tại cơ quan, đơn vị hay tại địa phương đều không có dư luận xấu.

[2.3] Đối với yêu cầu kháng cáo về tài sản:

Anh N thừa nhận phần đất tại ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang diện tích 846m², thuộc thửa 1978, tờ bản đồ số 03 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS01033 ngày 23/10/2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho chị Nguyễn Thị Ngọc L, nguồn gốc là do cha mẹ vợ cho anh T và chị L, hiện tại anh T và chị L đang sử dụng phần đất nêu trên là tài sản cá nhân của chị L, anh N không tranh chấp nên không đặt ra xem xét.

Về phần đất thuộc thửa 3904, tờ bản đồ số 02, diện tích đất 210,5m² tại ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, trên đất có một căn nhà tường cấp 4, diện tích 40m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS00531 ngày 15/5/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho anh Nguyễn Anh N và chị Nguyễn Thị Ngọc L: Căn cứ vào Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được lập ngày 20/3/2018 thì bên nhận chuyển nhượng là anh Nguyễn Anh N và chị Nguyễn Thị Ngọc L1, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho cả hai người, án sơ thẩm xác định là tài sản chung là có căn cứ; những chỉ tiêu trong sinh hoạt gia đình không là căn cứ chứng minh tài sản chung là đất và nhà là tài sản riêng của người đó. Theo Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình thì “Quyền sử dụng đất mà vợ chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ, chồng, trừ trường hợp vợ, chồng được thừa kế riêng, cho riêng...”.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, phía anh N không đồng ý giao tài sản là diện tích đất 210,5m² tại ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, trên đất có một căn nhà tường cấp 4, diện tích 40m² cho chị L1 quản lý sau này giao lại cho các con là cháu K và cháu K1 theo như thỏa thuận tại phiên tòa sơ thẩm, như vậy phần tài sản chung của vợ chồng cần phải xem xét chia tài sản chung sau khi ly hôn, để bảo đảm việc xét xử hai cấp, Hội đồng xét xử cần hủy phần tài sản này để cấp sơ thẩm xem xét chia lại theo Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015.

[2.4] Đối với số tiền nợ 50.000.000 đồng của bà H, tại cấp sơ thẩm do các bên thỏa thuận giao tài sản cho chị L1 quản lý nên chị tự nguyện trả, nay hủy phần tài sản liên quan đến việc chia tài sản để hai bên cùng có trách nhiệm trả nợ nên cần thiết phải hủy về xét xử lại.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 26, Điều 27 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, anh Nguyễn Anh N phải chịu 300.000 đồng án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng, án phí về chia tài sản chung và nợ chung sẽ được xem xét khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Án phí phúc thẩm: Anh Nguyễn Anh N không phải chịu án phí phúc thẩm.

[4] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát về việc không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm là phù hợp về phần con chung, đối với phần tài sản là trái với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 và 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 56, 59, 60, 62, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các điều 357, 468, 494 và Điều 495 của Bộ luật Dân sự; các điều 26, 27 và Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Nguyễn Anh N.

Hủy một phần Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 538/2023/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc L.

Chị Nguyễn Thị Ngọc L được ly hôn với anh Nguyễn Anh N.

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị Ngọc L được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai con chung tên Nguyễn Ngọc Hoàng K sinh ngày 15/12/2015 và Nguyễn Ngọc Cao K1 sinh ngày 22/12/2017, anh Nguyễn Anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho một con chung. Thực hiện cấp dưỡng từ tháng 10/2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Hủy phần chia tài sản chung và phần nợ chung, giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân huyện C xét xử lại theo trình tự sơ thẩm.

4. Về án phí:

4.1. Án phí sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Ngọc L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số

0003885 ngày 17/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang, xem như đã nộp xong.

Anh Nguyễn Anh N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Đối với số tiền tạm ứng án phí mà chị Nguyễn Thị Ngọc L đã nộp là 1.875.000 đồng theo biên lai số 0020393 ngày 09/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang; số tiền tạm ứng án phí mà bà Lê Thị Mỹ H đã nộp là 1.250.000 đồng theo biên lai số 0021582 ngày 10/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang và các chi phí khác sẽ được xem xét giải quyết lại khi Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại phần tài sản chung, nợ chung.

4.1. Án phí phúc thẩm: Anh Nguyễn Anh N không phải chịu án phí phúc thẩm. Trả lại cho anh N 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0011943 ngày 04/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Phong